

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 25/9/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Lượng
2. Ông Hoàng Thanh Nghệ

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2023/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Bùi Trọng H1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Trọng H1 đăng ký kết hôn ngày 07/11/2016 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị ở nhà làm ruộng và chăm sóc con tại thôn Q, xã H, huyện S. Còn anh H1 đi làm ăn ở thành phố Hà Nội. Quá trình

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị thiếu hiểu biết nên đã bị lừa trên mạng qua hình thức chơi tiền ảo dẫn đến vợ chồng lục đục, cãi nhau, tình cảm rạn nứt và do áp lực gia đình không có tiền trang trải cuộc sống cá nhân chị bắt buộc phải đi làm công ty. Trong thời gian chị đi làm có nhắn tin qua lại với bạn và bị chồng phát hiện qua tin nhắn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Trọng H1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Bùi Ngọc H2, sinh ngày 02/11/2017; cháu Bùi Thị Thu H3, sinh ngày 29/11/2019 và cháu Bùi Thị H4, sinh ngày 05/11/2021. Hiện nay cháu H2, cháu H3 đang ở cùng với anh H1. Còn cháu H4 đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và cháu H3. Chị nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu H3 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H3 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, tính từ tháng 10/2024. Chị được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản, đất đai chung: Ngày 10/3/2024 chị có làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bao gồm: một sổ tiết kiệm trị giá 500.000.000 đồng được gửi tại ngân hàng A chi nhánh K và anh Bùi Trọng H1 đã rút khoản tiền tiết kiệm này vào tháng 12 năm 2023. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà diện tích khoảng 100m² giá trị là 120.000.000 đồng, địa chỉ ngôi nhà tại thôn Q, xã H, huyện S. Đến ngày 05/4/2024 chị rút đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Trọng H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn ngày 07/11/2016 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đi làm tại thành phố Hà Nội. Đến cuối năm 2020 chị H chơi trên mạng mất tiền và có vay mượn tiền của chị Lương Thị T sinh năm 1991, địa chỉ: Xóm M, thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Sau đó trộm tiền của anh và bà nội. Đến tháng 8 năm 2023 chị H đi làm công ty có quan hệ trai gái. Khi sự việc chị H chơi trên mạng và vay mượn tiền, trộm tiền xảy ra, anh có gọi cho hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải. Nay, chị H có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, quan điểm của anh nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Bùi Ngọc H2, sinh ngày 02/11/2017; cháu Bùi Thị Thu H3, sinh ngày 29/11/2019 và cháu Bùi Thị H4, sinh ngày 05/11/2021. Hiện nay cháu H2 đang ở cùng với anh tại Hà Nội. Cháu H3 đang ở với chị gái ruột của anh là chị Bùi Thị Thu H5 ở thành phố H, tỉnh Hà Giang. Còn cháu H4 đang ở với chị H. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 03 con chung. Về cấp dưỡng, anh đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.500.000 đồng/cháu/tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cả 03 cháu số tiền cấp dưỡng là 7.500.000 đồng/tháng,

Về tài sản, đất đai chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H có tự ý vay tiền của chị Lương Thị T số tiền 45.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi sự việc xảy ra, anh có gọi hai bên gia đình đến để nói chuyện và anh có nhận ứng tiền ra để trả nợ cho chị H, chị H có nhận sẽ đi làm công ty để lấy tiền trả cho anh số tiền 45.000.000 đồng. Anh đề nghị Tòa án buộc chị H phải trả cho anh số tiền nợ là 45.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày bổ sung: Về công nợ chung anh Bùi Trọng H1 buộc chị phải có nghĩa vụ trả số tiền 45.000.000 đồng. Chị nhất trí trả cho anh H, tuy nhiên điều kiện kinh tế của chị hiện nay gặp nhiều khó khăn nên chưa có tiền để trả ngay cho anh H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng **các Điều 28, 39, 147, 227, 235, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;** các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Bùi Trọng H1. Về con chung giao cháu Bùi Thị H4, sinh ngày 05/11/2021 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Trọng H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Giao cháu Bùi Ngọc H2, sinh ngày 02/11/2017 và cháu Bùi Thị Thu H3, sinh ngày 29/11/2019 cho anh Bùi Trọng H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Bùi Thị Thu H3 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H3 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, từ tháng 10 năm 2024. Về tài sản, đất đai chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Về công nợ: Buộc chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Trọng H1 số tiền 45.000.000 đồng.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, chị Lê Thị H thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định. Anh Bùi Trọng H1 không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị H và anh Bùi Trọng H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do

vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Bùi Trọng H1 là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H, HĐXX nhận định: Chị Lê Thị H xác nhận tháng 8 năm 2022 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị thiếu hiểu biết nên đã bị lừa trên mạng qua hình thức chơi tiền ảo dẫn đến vợ chồng lục đục, cãi nhau, tình cảm rạn nứt và do áp lực gia đình không có tiền trang trải cuộc sống cá nhân chị bắt buộc phải đi làm công ty. Trong thời gian chị đi làm có nhắn tin qua lại với bạn và bị chồng phát hiện qua tin nhắn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Trọng H1.

Anh Bùi Trọng H1 cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị H.

Do chị H và anh H1 đều nhất trí ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Lê thị H đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị H4, sinh ngày 05/11/2021. Xét thấy, cháu H4 hiện nay dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị H. Như vậy, cần giao cháu Bùi Thị H4 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Bùi Thị H4, sinh ngày 05/11/2021 cho chị Lê Thị H trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Trọng H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Bị đơn anh Bùi Trọng H1 đề nghị được quyền nuôi dưỡng cả ba cháu Bùi Ngọc H2, sinh ngày 02/11/2017; cháu Bùi Thị Thu H3, sinh ngày 29/11/2019 và cháu Bùi Thị H4, sinh ngày 05/11/2021. Về cấp dưỡng anh đề nghị chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Bùi Thị H4 hiện nay còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4 nên không nhất trí giao cháu H4 cho anh H nuôi dưỡng. Đối với cháu Bùi Ngọc H2 và cháu Bùi Thị Thu H3 hiện nay đang sinh sống với anh H1, chị H đều nhất trí giao cháu H2 và cháu H3 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận cho anh H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và cháu H3. Về cấp dưỡng nuôi con: xét thấy, chị H hiện nay đang làm công nhân tại Công ty TNHH Đ (Việt Nam), địa chỉ Lô C, Khu công nghiệp P, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ với mức lương chính thức là 4.800.000 đồng/tháng, đồng thời chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị H4, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của chị H và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên HĐXX buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Bùi Thị Thu H3 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi,

phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, từ tháng 10 năm 2024 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, đất đai chung: Ngày 10/3/2024 chị H có làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bao gồm: một sổ tiết kiệm trị giá 500.000.000 đồng và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà diện tích khoảng 100m² giá trị là 120.000.000 đồng. Đến ngày 05/4/2024 chị rút đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Do chị H đã rút đơn, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về vay nợ: Anh Bùi Trọng H1 đề nghị Tòa án buộc chị Lê Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 45.000.000 đồng là số tiền anh nhận ứng ra để trả nợ cho chị H. HĐXX xét thấy, chị H thừa nhận anh H1 trả nợ thay cho chị số tiền 45.000.000 đồng. Chị H nhất trí trả nợ cho anh Hợp số tiền nêu trên, tuy nhiên hiện nay chị chưa có tiền trả ngay cho anh H1 được. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H1, buộc chị Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Bùi Trọng Hợp S tiền 45.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ phần án phí, ngoài ra chị H còn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch của số tiền trả cho anh H1 là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị H thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí theo quy định. Anh Bùi Trọng H1 không phải chịu án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 227, 235, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Bùi Trọng H1. Chấp nhận yêu cầu về việc vay nợ của anh Bùi Trọng H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Bùi Trọng H1.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị H4, sinh ngày 05/11/2021 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Trọng H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Giao cháu Bùi Ngọc H2, sinh ngày 02/11/2017 và cháu Bùi Thị Thu H3, sinh ngày 29/11/2019 cho anh Bùi Trọng H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Bùi Thị Thu H3 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, từ tháng 10 năm 2024. Chị Lê Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về vay nợ: Chị Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Bùi Trọng Hợp S tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị H chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho chị Lê Thị H số tiền tạm ứng phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002968 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000705040 ngày 09 tháng 10 năm 2023 ký bởi Công ty cổ phần T1).

Anh Bùi Trọng H1 không phải nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Hào Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Hữu Lượng – Hoàng Thanh Nghệ

Lê Tuấn Linh

